BƠM CÁNH GẠT THỦY LỰC Thông số cơ bản Насосы шиберные Гидравлические Основные параметры. Vane hydraulic pumps Basic parameters	TCVN 2142 – 77 Khuyến khích áp dụng

Tiêu chuẩn này áp dụng cho các bơm cánh gạt thủy lực dùng trong truyền dẫn thủy lực. Giá trị các thông số cơ bản không nằm trong các dãy thông số của tiêu chuẩn này phải được chọn theo TCVN 2144 – 77, TCVN 2147 – 77 và TCVN 2016 – 77.

Bảng 1

Áp suất danh nghĩa P_{dn}						
MN/m^2	6,3	10,0	12,5	(14,0)	16,0	20,0
KG/m^2	63	100	125	(140)	160	200

Chú thích: Áp suất danh nghĩa ghi trong ngoặc cho phép sử dụng cho đến khi chế tạo loại thiết bị có áp suất cao hơn.

Bảng 2

Số vòng quay danh nghĩa n_{dn}										
Vòng/ph	600	750	960	1 500	1 920	2 400	3 000	3 780	4 800	6 000
Vòng/s	10,0	12,5	16,0	25,0	32,0	40,0	50,0	63,0	80,0	100,0

Chú thích

1. Cho phép sử dụng giá trị 100 vòng/ph (16,6 vòng/s) làm số vòng quay danh nghĩa.

2. Đối với các bơm có truyền dẫn bằng động cơ điện, cho phép sử dụng số vòng quay danh nghĩa của động cơ điện không đồng bộ

Bảng 3

Thể tích làm việc V_o (cm^3)							
Dãy cơ bản	Dãy phụ	Dãy cơ bản	Dãy phụ	Dãy cơ bản	Dãy phụ	Dãy cơ bản	Dãy phụ
1,00	—	10,0	—	100	—	1 000	—
—	—	—	11,2	—	112	—	1 120
1,25	—	12,5	—	125	—	1 250	—
—	—	—	14,0	—	140		
1,60	—	16,0	—	160	—		
—	—	—	18,0	—	180		
2,00	—	20,0	—	200	—		
—	—	—	22,4	—	224		
2,50	—	25,0	—	250	—		
—	—	—	28,0	—	280		
3,20	—	32,0	—	320	—		
—	—	—	36,0	—	360		
4,00	—	40,0	—	400	—		
—	—	—	45,0	—	450		
5,00	—	50,0	—	500	—		
—	—	—	56,0	—	560		
6,30	—	63,0	—	650	—		
—	—	—	71,0	—	710		
8,00	—	80,0	—	800	—		
—	9,00	—	90,0	—	900		

Chú thích:

1. Khi chọn thể tích làm việc phải ưu tiên chọn dãy cơ bản.
2. Sai số của thể tích làm việc so với giá trị ghi trong bảng không được vượt quá ± 3%;